

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 156/2023/DS-ST ngày 07/12/2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị C** – sinh năm 1958, nơi thường trú: **L, X, Sông C, Phú Yên**.

*Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn T** – sinh năm 1964, nơi thường trú: **L, X, Sông C, Phú Yên**.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Đỗ Thị X** – sinh năm 1970, nơi thường trú: **P, Hòa Tân Đ, Đ, Phú Yên**.

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

[1] Chia tài sản chung của bà **C**, ông **T** và bà **X** như sau:

- Bà **Đỗ Thị C** được quyền sử dụng diện tích đất **68,3m<sup>2</sup>** (ký hiệu S3 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 14, 1), loại đất 44,5m<sup>2</sup> ODT + 23,8m<sup>2</sup> CLN và sở hữu các tài sản khác gắn liền với đất (nhà vệ sinh, cây cối).

- Ông **Đỗ Văn T** được quyền sử dụng diện tích đất **187,8m<sup>2</sup>** (ký hiệu S2 trong phạm vi các mốc 4, 5, 11, 12, 13, 14, 4), loại đất 61m<sup>2</sup> ODT + 126,8m<sup>2</sup> CLN và sở hữu các tài sản khác gắn liền với đất (nhà ở cấp 4, sân, chái tôn).

- Bà **Đỗ Thị X** được quyền sử dụng diện tích đất **67,7m<sup>2</sup>** (ký hiệu S1 trong phạm vi các mốc 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 5), loại đất 44,5m<sup>2</sup> ODT + 23,2m<sup>2</sup> CLN và sở hữu các cây cối trên đất.

Tại **L, Xuân P, Sông C1**, Phú Yên theo Bản trích đo hiện trạng thửa đất ngày

04/01/2024 được đính kèm theo Quyết định này.

- Bà **Đỗ Thị C** có nghĩa vụ thanh toán giá trị nhà vệ sinh, cây cối trên diện tích đất 68,3m<sup>2</sup> cho ông **Đỗ Văn T** là 12.266.000đ (mười hai triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Bà **Đỗ Thị X** có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây cối trên diện tích đất 67,7m<sup>2</sup> cho ông **Đỗ Văn T** là 575.000đ (năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[2] Về án phí: Bà **Đỗ Thị C**, ông **Đỗ Văn T** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Bà **Đỗ Thị X** phải chịu 2.280.100đ (hai triệu hai trăm tám mươi nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà bà **X** được chia (44,5m<sup>2</sup> ODT x 2.000.000đ/m<sup>2</sup> + 23,2m<sup>2</sup> CLN x 95.000đ/m<sup>2</sup> = 91.204.000đ).

Bà **Đỗ Thị X** phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán.

[3] Về chi phí tố tụng: 12.600.000đ (bà **Đỗ Thị C** đã nộp xong). Nên bà **Đỗ Thị X** phải thanh toán lại cho bà **Đỗ Thị C** số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

**III.** Bà **Đỗ Thị C**, ông **Đỗ Văn T**, bà **Đỗ Thị X** có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Việt Triều**